

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Phương
2. Bà Hoàng Thị Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Bích Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2024/TLST- HNGĐ ngày 06/12/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phùng Thị N sinh năm 1991; địa chỉ: xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Phạm Thăng L sinh năm 1979; địa chỉ: số nhà A, ngõ G, đường C, phố V, phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị N, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:*

Chị và anh Phạm Thăng L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình ngày 31/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nhiều lần anh L đánh chị, mâu thuẫn về kinh tế, công việc, vợ chồng căng thẳng kéo dài và trở nên trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2024 đến nay, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm 4a, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thăng L.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Phong L1 sinh ngày 28/12/2013 và cháu Phạm Bảo T sinh ngày 23/12/2015. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo T, còn cháu Phạm Phong L1 sẽ do anh L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị và anh L không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Thăng L trình bày:*

Anh không có yêu cầu phản tố. Về điều kiện kết hôn, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến nay. Trong cuộc sống, có vài lần vợ chồng hiểu lầm có những mâu thuẫn nhỏ, chị N có những lời nói, hành động không đúng với mẹ anh nên anh đã xử sự không đúng với chị N, anh đã tát chị N. Sau đó anh đã biết lỗi của anh và đã xin lỗi chị. Từ tháng 8/2024 đến nay, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị N ở. Nay chị N làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn yêu thương chị và các con, anh không muốn vợ chồng ly hôn để các con phải chia rẽ.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Phạm Phong L1 sinh ngày 28/12/2013 và cháu Phạm Bảo T sinh ngày 23/12/2015. Hiện nay cháu L1 đang ở cùng anh, cháu T đang ở cùng chị N. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao cháu Phạm Bảo T cho chị N, cháu Phạm Phong L1 cho anh nuôi dưỡng. Anh và chị N không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị N. Cho chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Phạm Thăng L.

- Về con chung: giao cháu Phạm Phong L1 sinh ngày 28/12/2013 cho anh Phạm Thăng L và giao cháu Phạm Bảo T sinh ngày 23/12/2015 cho chị Phùng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Phùng Thị N phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002434 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoa Lư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Thăng L, có nơi cư trú tại phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phùng Thị N và anh Phạm Thăng L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện, thủ tục kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N ngày 31/12/2012 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị Phùng Thị N và anh Phạm Thăng L chung sống hòa thuận hạnh phúc. Theo chị N trình bày anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nhiều lần anh L đánh chị, mâu thuẫn về kinh tế, công việc, vợ chồng căng thẳng kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thăng L.

Anh Phạm Thăng L xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ do hiểu lầm, chị N có những lời nói, hành động không đúng với mẹ anh nên anh đã xử sự không đúng với chị N, anh có đánh chị N. Sau đó anh biết lỗi của anh và đã xin lỗi chị. Nay chị N làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn yêu thương chị và các con, không muốn vợ chồng ly hôn để các con phải chia rẽ.

Như vậy, trong quá trình chung sống chị N và anh L có xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày không thống nhất nhưng thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau thể hiện việc anh L đánh chị N, vợ chồng hiện sống ly thân, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Đại diện khu phố V nơi anh chị thường trú cũng xác nhận khoảng tháng 8 năm 2024 đến nay chị N không còn sinh sống tại phố V, phường N.

Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần để chị N, anh L về đoàn tụ nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về đoàn tụ cùng anh L; anh L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để cải thiện mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Phạm Thăng L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Phùng Thị N và anh Phạm Thăng L có 02 con chung là cháu Phạm Phong L1 sinh ngày 28/12/2013 và cháu Phạm Bảo T sinh ngày 23/12/2015. Khi ly hôn anh chị đều đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Bảo T cho chị N; giao cháu Phạm Phong L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị N, anh L không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai; cháu

T và cháu L1 cũng có nguyện vọng như đề nghị của bố mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu L1 đang ở cùng anh L, cháu T đang ở cùng chị N. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi về mọi mặt của các cháu thì giao cháu Phạm Bảo T cho chị N, cháu Phạm Phong L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị N, anh L không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phùng Thị N là người khởi kiện Xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị N.

1. Cho chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Phạm Thăng L.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Phong L1 sinh ngày 28/12/2013 cho anh Phạm Thăng L; giao cháu Phạm Bảo T sinh ngày 23/12/2015 cho chị Phùng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N, L không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Phùng Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 00002434 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoa Lư, chị N đã nộp đủ.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP.Hoa Lư;
- Chi cục THA TP.Hoa Lư;
- UBND P.Ninh Phong, TP.Hoa Lư;
- Lưu hồ sơ; VPTA.

Vũ Thị Hiền

